

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**
Bản án số: 12/2025/HSST
Ngày: 03/03/2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Tiến
2. Ông Phan Kiên Nhẫn

- Thư ký phiên tòa: Bà Sơn Thị Chanh Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình tham gia phiên tòa: Ông Dương Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 122/2024/TLST-HS, ngày 20 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-HS, ngày 05/02/2025 đối với bị cáo: **Phan Văn P**, sinh ngày 21/03/1989, nơi sinh tại huyện T, tỉnh Vĩnh Long, nơi cư trú: ấp P, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, nghề nghiệp: Tài xế (lái xe); trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn M, sinh năm 1967 và bà Lê Thị T, sinh năm 1968, có vợ là Võ Thị Yến T1, sinh năm 1996 (đã ly hôn) và con Phan Kim T2, sinh năm 2016, anh chị em ruột có 04 người, lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 1994; tiền án: Không, tiền sự: Ngày 29/02/2024, bị Công an xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền là 1.500.000đ (*Một triệu, năm trăm nghìn đồng*) về hành vi: “*Đánh bạc trái phép với hình thức ba cây với mục đích được thua bằng tiền*”. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/08/2024 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1980 (xin vắng)

Nơi cư trú: ấp P, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/Anh **Nguyễn Mạnh D**, sinh ngày 09/11/2001 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Số D, Đường C, Phường B, Tp ., tỉnh Bình Dương.

2/Anh **La Quý G**, sinh năm 1982 (xin vắng)

Nơi cư trú: ấp P, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

- *Người làm chứng:*

1/Anh **Ngô Hồng K**, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp P, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

2/Anh **Nguyễn Văn T3**, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Văn P sinh năm 1989 và anh Nguyễn Văn H sinh năm 1980 cùng ngụ ấp P, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long có quen biết với nhau. P làm nghề tài xế lái xe ô tô dịch vụ, P biết anh H có xe ô tô biển số 64A-087.13 chạy dịch vụ và cho thuê xe ô tô tự lái nên P nhiều lần thuê xe ô tô biển số 64A-087.13 của anh H tự lái để chở khách và chạy thuê cho anh H. Do không có tiền trả nợ tiền vay qua tờ rơi của một người tên M1 (không rõ họ tên thật và địa chỉ cụ thể) trước đó tại thành phố Hồ Chí Minh với số tiền 28.000.000đ (*Hai mươi tám triệu đồng*), P sợ M1 cho người đến nhà đe dọa đòi tiền nên P nảy sinh ý định thuê xe ô tô của anh H rồi mang đi cầm cố để lấy tiền trả nợ tiền vay cho M1 và tiêu xài cá nhân.

Khoảng 18 giờ ngày 19/05/2024, P đang ở nhà xem mạng xã hội Facebook thì P phát hiện một tài khoản đăng “*Cầm xe không giấy, không chính chủ*” nên P vào nhắn tin qua ứng dụng M2 để hỏi cách thức cầm cố xe ô tô trong thời hạn 01 tháng thì có người tên L (*không rõ họ tên, địa chỉ*) cho P số điện thoại 0796713898 kết bạn Zalo để liên lạc. P nói: “*Cần thế chấp 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Grand i10 không chính chủ để vay số tiền là 40.000.000đ, thời hạn trong vòng 01 tháng, nếu có tiền thì khoảng vài ngày sẽ chuộc lại*”, L trả lời: “*Đồng ý cầm xe với số tiền 40.000.000đ, với lãi suất là 10%/ngày, lấy phí tiền cò cầm xe trước 10% và thu lãi suất 10% trước 10 ngày, nếu qua 10 ngày mà chưa chuộc lại xe thì đóng lãi suất 10% của 10 ngày tiếp theo*” thì P đồng ý nên P và L hẹn gặp nhau tại số F, đường T, phường T, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện việc cầm cố xe. Đến khoảng 19 giờ cùng

ngày, sau khi đã tìm được nơi cầm xe không chính chủ, P điện thoại cho anh H hỏi thuê xe, P nói: “*Mai xe có đi đâu không, có khách không nếu không có thì mai khoảng 05 giờ mấy đến 06 giờ em qua em lấy do có khách đi S*”, anh H tin tưởng là P có khách cần đi S thật nên đồng ý và nói: “*Xe không có đi, cứ đi thì qua lấy đi*”. Thực tế, P không có khách thuê xe chở đi S mà đây là thông tin gian dối, không có thật, P nói để anh H tin tưởng và đồng ý giao xe cho P để cầm xe cho L nhằm lấy tiền trả nợ tiền vay cho M1 và tiêu xài cá nhân.

Khoảng 06 giờ 10 phút ngày 20/05/2024, P đi đến nhà của anh H để lấy xe ô tô biển số 644-087.13 như đã thỏa thuận thì anh H giao chia khóa xe và xe ô tô cùng các giấy tờ có liên quan cho P. Sau khi nhận được xe, P điều khiển đi thẳng đến số F, đường T, phường T, quận A, thành phố Hồ Chí Minh, P điện thoại qua Zalo cho L đã đến địa chỉ hẹn gặp nhau. Đến khoảng 10 giờ 45 phút cùng ngày thì L đến gặp P, P hỏi: “*Anh là chủ hay là cò*”, L nói: “*Tôi là chủ*” thì P chỉ cho L xe ô tô biển số 64A-087.13 nhãn hiệu Hyundai i10 màu trắng, L đến xem xe và kêu P đưa giấy tờ xe thì P đưa cho L gồm: Giấy biên nhận thế chấp giấy chứng nhận xe ô tô biển số 64A-087.13 (*bản sao y*), Giấy chứng nhận đăng kiểm xe ô tô, Giấy phép lái xe hạng A1, B2 cùng mang tên Nguyễn Văn H và thẻ căn cước công dân của P cho L. Sau khi xem giấy tờ xong, P nói với L: “*Xe này là của em thuê của anh H, giờ em kẹt tiền quá em cầm 40.000.000đ trong vòng 01 tháng em chuộc nhưng dữ lắm khoảng 03-04 ngày có tiền em chuộc lại*” thì L đồng ý cầm xe với số tiền là 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*), L thu trước tiền lãi 10 ngày là 4.000.000đ, tiền cho người môi giới là 4.000.000đ nên L đưa P số tiền 32.000.000đ. Do cầm xe không chính chủ nên L không đồng ý làm hợp đồng cầm xe, khi nào P có tiền chuộc lại xe thì điện thoại cho L, L sẽ mang xe giao cho P nên P đồng ý. Do đó, P không biết họ tên thật và địa chỉ của L ở đâu.

Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, P sử dụng số tiền vừa cầm được xe trả tiền nợ vay cho M1 với số tiền 28.000.000đ (*Hai mươi tám triệu đồng*), số tiền còn lại P tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 21/05/2024, anh H điện thoại hỏi P khi nào về thì P nói chiều về, nhưng P không về. Ngày 22/5/2024, P từ thành phố Hồ Chí Minh đi về nhà nhưng không có đến gặp anh H để nói cho anh H biết. Sau đó, P thuê xe ô tô hiệu Xpander biển số 67A-124.28 của anh La Quý G, sinh năm 1982, ngụ ấp P, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long tiếp tục mang đến cầm cho L với hình thức như trên để vay số tiền là 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng*), trước khi cầm xe thì P có điện thoại hỏi anh G cầm xe và được sự đồng ý của anh G cho P cầm xe ô tô trên.

Đến ngày 23/05/2024, anh H thấy P không trả lại xe nên đến nhà tìm và gặp P thì P mới nói cho anh H biết đã cầm xe ô tô của anh H và xin anh H đừng báo công an mà chờ P kiểm tiền để chuộc lại xe trả cho anh H thì anh H đồng ý.

Đến ngày 29/05/2024, P điện thoại cho L để chuộc lại xe ô tô hiệu Xpander của anh G, P đưa tiền trực tiếp cho L thì L giao xe cho P điều khiển về trả lại cho anh G. Sau đó, P tiếp tục liên lạc với L để chuộc lại xe ô tô biển số 64A-087.13 của anh H thì L kêu P chuyển tiền chuộc xe qua số tài khoản: 0011004297161 của Ngân hàng TMCP N tên chủ tài khoản TRUONG MINH THONG để giao dịch khi chuộc lại xe, nên P nhờ bạn tên Ngô Hồng K chuyển tiền dùm cho P 03 lần đến số tài khoản nêu trên với tổng số tiền là 44.000.000đ (*Bốn mươi bốn triệu đồng*) để chuộc lại xe ô tô biển số 64A-087.13 thì L kêu P đến số D, đường S, phường T, quận A, thành phố Hồ Chí Minh thì sẽ có người giao xe cho P. Khi P lên đến địa điểm đã hẹn nhưng không thấy có ai giao lại xe ô tô biển số 64A-087.13, P điện thoại cho L nhưng L không nghe điện thoại, P nhiều lần gọi cho L nhưng không liên lạc được và L xóa kết bạn Facebook và Z với P, đồng thời L không giao lại xe ô tô biển số 64A-087.13 như đã thỏa thuận nên P không có xe trả lại cho anh H. Ngày 05/06/2024, anh H trình báo sự việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T.

Sau đó, P cùng với anh H đi tìm kiếm xe ô tô biển số 64A-087.13 nhiều nơi. Đến ngày 06/06/2024, Đội tuần tra kiểm soát giao thông đường bộ cao tốc số 5 thuộc Cục C đang tuần tra kiểm soát tại K Cao Tốc Đ - Quảng Ngãi thuộc Thôn L, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng phát hiện tài xế Nguyễn Văn T3, sinh ngày 10/10/1985, ngụ thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình điều khiển xe ô tô biển số 29H-202.11 có chở theo xe ô tô biển số 64A-087.13 là tang vật có liên quan đến vụ việc do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đang thụ lý nên tạm giữ xe ô tô biển số 64A-087.13 cùng các giấy tờ có liên quan, sau đó bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H, thành phố Đà Nẵng quản lý, đến ngày 14/06/2024 thì bàn giao lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T tiếp tục xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 20/KL. ĐGTS ngày 21/06/2024 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: Xe ô tô biển số 64A-087.13, nhãn hiệu HYUNDAI, loại GRAND 110 1,2 (5 chỗ) đăng ký lần đầu ngày 21/05/2020, có giá trị là 221.000.000đ (*Hai trăm hai mươi một triệu đồng, bút lục 50*).

Ngày 26/07/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Vĩnh Long đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can và ra lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Phan Văn P về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản cáo trạng số: 04/CT-VKSTB ngày 17/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long đã truy tố bị cáo Phan Văn P về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Sau khi kiểm tra đầy đủ các chứng cứ buộc tội, gỡ tội và các tình tiết khác của vụ án, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội do bị cáo gây ra như nội dung Bản Cáo trạng đã nêu, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, nên có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Phan Văn P đã phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, 54 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phan Văn P mức án từ 05 năm đến 05 năm, 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/08/2024.

Về trách nhiệm dân sự: Đã khắc phục xong cho bị hại, bị hại không yêu cầu gì nên không đặt ra giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong, nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo Phan Văn P đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, thống nhất với lời luận tội của Vị đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không tranh luận, không bào chữa cho mình, lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trong đơn xin giảm nhẹ hình phạt ngày 07/01/2025 và đơn xin vắng mặt ngày 07/02/2025, anh Nguyễn Văn H trình bày: Anh xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Trong biên bản ghi lời khai ngày 06/06/2024, anh Nguyễn Văn T3 trình bày: Anh là nhân viên của Công ty cổ phần Q có hợp đồng lao động. Ngày 05/06/2024 anh có chở xe ô tô biển số 64A-087.13 đến Thành phố V, tỉnh Nghệ An trên đường đi đến Trạm thu phí Cao tốc

Đ - Q thì bị lực lượng công an dừng xe và mời làm việc, anh không biết xe ô tô biển số 64A-087.13 là của ai và không biết ai là người nhận, khi nào đến nơi thì anh thông báo cho công ty để liên hệ người nhận (BL43-44).

Trong biên bản ghi lời khai ngày 16/11/2024, anh Nguyễn Mạnh D trình bày: Anh có nhận vận chuyển xe ô tô biển số 64A – 087.13 của khách hàng tên D (không biết họ tên, địa chỉ cụ thể) bằng thỏa thuận miệng đến Thành phố V, tỉnh Nghệ An với phí vận chuyển là 4.000.000đ và chỉ làm biên bản bàn giao xe. Sau đó anh giao biên bản này cho anh Nguyễn Văn T3 để vận chuyển, xe có đầy đủ giấy tờ nên không nghĩ đây là xe do phạm tội mà có. Sau khi xe bị tạm giữ anh nhiều lần liên lạc với D nhưng không được và đã làm thất lạc biên bản giao nhận xe. Qua sự việc anh không có yêu cầu tên D bồi thường chi phí vận chuyển gì hết (BL123-124).

Trong biên bản ghi lời khai ngày 23/11/2024, anh La Quý G trình bày: Anh đồng ý cho P đem cầm xe ô tô biển số 67A – 124.28 và sau đó đã chuộc lại xe cho anh. Qua sự việc trên, anh không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự và hình sự đối với bị cáo P (BL125-126).

Trong biên bản ghi lời khai ngày 23/11/2024, anh Ngô Hồng K trình bày: Anh có chuyển tiền cho P 03 lần với số tiền 44.000.000đ và P đã đưa đủ tiền cho anh, để chuộc xe ô tô mang biển số 64A – 087.13 qua số tài khoản 0011004297161 mang tên T6, không rõ người này ở đâu (BL127-128).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và tại phiên tòa không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với việc vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa cho bị hại có đơn xin vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan đến vụ án, người làm chứng vắng mặt. Tuy nhiên, bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng đã có lời khai thể hiện rõ trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng này.

[2]. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, ngoài ra vụ án còn phù hợp các biên bản hoạt động điều tra như: Biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thu hồi vật chứng, biên bản ghi lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, biên bản ghi lời khai người làm chứng, biên bản ghi lời khai và biên bản hỏi cung của bị cáo nên có căn cứ kết luận: Vào khoảng 06 giờ 10 phút, ngày 20/05/2024 tại ấp P, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, bị cáo Phan Văn P đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối, đưa ra thông tin không đúng sự thật để thuê xe ô tô biển số 64A-087.13 có trị giá là 221.000.000đ của anh Nguyễn Văn H.

Căn cứ vào hành vi và trị giá tài sản bị chiếm đoạt chiếm đoạt, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Phan Văn P đã phạm vào tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long truy tố là có căn cứ, đúng người, khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự quy định: “*Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:*

a)*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng*”.

[3]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo biết rõ tài sản của người khác luôn được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác đều bị trừng trị theo quy định của pháp luật. Do cần tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân, nên bị cáo thực hiện hành vi gian dối, trái pháp luật để bị hại tin tưởng giao tài sản cho bị cáo sau khi nhận được tài sản thì bị cáo đem cầm cố dẫn đến không thu hồi được tài sản. Hành vi nêu trên của bị cáo không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mà còn làm ảnh hưởng lớn đến an ninh trật tự và đời sống của nhân dân. Bản thân bị cáo có 01 tiền sự, lẽ ra bị cáo phải biết giữ mình để không phạm tội, đằng này vì lợi ích cá nhân đã

đưa bị cáo vào con đường phạm tội. Do đó, cần xử phạt một mức án tương xứng để răn đe, giáo dục đối bị cáo và phòng ngừa chung xã hội.

[4]. *Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017*: Sau khi phạm tội bị cáo cũng đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có khắc phục hậu quả cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, gia đình bị cáo có công với cách mạng, nên cần xem xét đây là các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xem xét xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo Điều 54 của Bộ luật hình sự là có cơ sở.

[4]. *Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017*: Không có.

[5]. *Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định*: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Tuy nhiên xét tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6]. *Về xử lý vật chứng*: Không có, nên không đặt ra giải quyết.

[7]. *Về trách nhiệm dân sự*: Ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại là bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền là 20.000.000đ, đã khắc phục xong, bị hại không có yêu cầu gì thêm, nên không đặt ra giải quyết.

[8]. *Về án phí*: Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[9]. Đối với người tên L là người nhận cầm xe ô tô biển số 64A-087.13, do không xác định được họ tên và địa chỉ cụ thể, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa xác minh làm rõ đối tượng này được, đề nghị Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh để xử lý đối với đối tượng này theo quy định của pháp luật.

[10]. Đối với số tiền 44.000.000đ của bị cáo P nhờ anh Ngô Hồng K chuyển đến số tài khoản 0011004297161 của Ngân hàng TMCP N mang tên chủ tài khoản TRUONG MINH THONG chuyển tiền qua số tài khoản 36833336 của Ngân hàng TMCP V mang tên

NGUYEN THI THOM ngày 30/05/2024 và đối tượng NGUYEN THI THOM chuyển đến nhiều tài khoản khác. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã xác minh được tên là Trương Minh T4, sinh ngày 27/10/1991, cư ngụ tổ dân phố số D1, Thị trấn P, huyện P, Thành phố Hà Nội hiện tại không có mặt tại địa phương và Nguyễn Thị T5, sinh ngày 27/03/1992, cư ngụ Thôn N, xã M, Thị xã K, tỉnh Hải Dương. Cơ quan điều tra đã ủy thác điều tra nhưng chưa có kết quả, khi nào có kết quả thì xử lý là có căn cứ, đề nghị Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh để xử lý đối với các đối tượng này theo quy định của pháp luật.

[11]. Đối với số điện thoại 0796713898, ngày 27/09/2024, Cơ quan điều tra ra Công văn số 497 đề nghị Mobiphone tỉnh V thông tin về người đứng tên chủ số thuê bao trên nhưng đến nay chưa nhận được kết quả trả lời. Khi nào nhận được kết quả trả lời sẽ tiếp tục làm rõ xử lý là có căn cứ, đề nghị Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh để xử lý đối với số điện thoại trên theo quy định của pháp luật.

[12]. Đối với Công ty cổ phần Q có trụ sở tại thôn K, xã U, huyện Đ, thành phố Hà Nội có chi nhánh tại số D, đường C, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương do Nguyễn Mạnh D, sinh ngày 09/11/2001, ngụ thôn Đ, xã X, huyện Đ, thành phố Hà Nội là người trực tiếp quản lý điều hành hoạt động trong lĩnh vực vận chuyển xe ô tô Bắc - N. Ngày 05/06/2024, Nguyễn Mạnh D nhận hợp đồng miệng vận chuyển xe ô tô biển số 64A-087.13 của khách hàng tên D (*không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể*) từ Bình Dương đến thành phố V, tỉnh Nghệ An với phí vận chuyển là 4.000.000đ, Nguyễn Mạnh D chỉ làm biên bản bàn giao xe với khách hàng thuê vận chuyển tên D (*do đến nay đã lâu nên bị thất lạc không còn biên bản này*). Sau khi nhận vận chuyển xe ô tô trên xong thì phân công tài xế Nguyễn Văn T3 điều khiển xe ô tô biển số 29H-202.11 chở xe ô tô biển số 64A-087.13 cùng 03 xe ô tô khác đi từ Bình Dương đến Hà Nội. Sau khi xe ô tô biển số 64A-087.13 bị tạm giữ thì Nguyễn Mạnh D đã nhiều lần liên lạc với người tên D để thanh toán chi phí vận chuyển nhưng không liên lạc được. Đồng thời, Nguyễn Mạnh D và Nguyễn Văn T3 không biết xe ô tô biển số 64A-087.13 là tài sản do người khác phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T không xử lý là có cơ sở.

[13]. Đối với hành vi của bị cáo P cầm xe ô tô biển số 67A-124.28 của anh La Quý G để lấy tiền trả nợ thì được sự đồng ý của anh G, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T không xử lý là có cơ sở.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phan Văn P phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

[1]. Căn cứ điểm a khoản 3, 5 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, 38, 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phan Văn P 05 (Năm) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 02/08/2024.

Tuyên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[2]. *Về trách nhiệm dân sự*: Bị hại không có yêu cầu gì thêm, nên không đặt ra giải quyết.

[4]. *Về xử lý vật chứng*: Đã giải quyết xong, nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên buộc bị cáo phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6]. Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những người tham gia tố tụng vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Vĩnh Long
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bảo

- UBND xã Long Phú, huyện Tam Bình;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án./.